

**Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số** 3600495818 ngày 16 tháng 5 năm 2001

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 8 tháng 7 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
	Bà Trần Quế Trang	Thành viên
	Ông Henry Chung	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Võ Tòng Xuân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Quang Hải	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Phạm Hồng Dương	Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Văn Dĩnh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên (từ ngày 14 tháng 9 năm 2015 đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)	

Ban Tổng Giám đốc	Bà Trần Quế Trang	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31 tháng 1 năm 2016)
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14 tháng 9 năm 2015)

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016)
		Thành viên (đến ngày 1 tháng 6 năm 2016)
	Ông Phạm Trung Kiên	Trưởng ban (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Bà Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên (từ ngày 15 tháng 8 năm 2016)
	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015)
	Ông Lê Quốc Phong	Trưởng ban (từ ngày 28 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 5 năm 2016)
		Thành viên (đến ngày 28 tháng 12 năm 2015) (từ ngày 1 tháng 6 năm 2016 đến ngày 15 tháng 7 năm 2016)
Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Biên Hòa 1 Phường An Bình Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 78 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Bà Trần Quế Trang
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 23 tháng 9 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 9 năm 2016, được trình bày từ trang 6 đến trang 78.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-110-1



Hà Vũ Đình

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 9 năm 2016

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.746.795.399.037	1.618.679.896.705
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	519.674.944.557	39.259.307.816
Tiền	111		437.074.944.557	10.059.307.816
Các khoản tương đương tiền	112		82.600.000.000	29.200.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	8	131.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		131.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.622.611.542.866	855.773.067.128
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	532.514.083.594	397.188.652.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	500.867.125.679	377.346.149.810
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	425.300.000.000	77.921.461.456
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	182.270.312.615	13.791.619.557
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(18.339.979.022)	(13.047.162.287)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	2.572.346.072
Hàng tồn kho	140	14	1.412.244.897.765	702.566.926.494
Tài sản ngắn hạn khác	150		61.264.013.849	16.080.595.267
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	28.622.898.022	13.690.059.755
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		31.345.134.879	1.470.058.841
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	26(b)	1.295.980.948	920.476.671

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		2.226.192.392.980	810.915.117.101
Các khoản phải thu dài hạn	210		191.701.675.824	17.658.398.812
Trả trước cho người bán dài hạn	212	10	19.747.297.824	17.648.398.812
Phải thu về cho vay dài hạn	215	11	165.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		6.954.378.000	10.000.000
Tài sản cố định	220		1.368.449.713.470	571.741.287.404
Tài sản cố định hữu hình	221	16	1.284.812.433.183	563.227.862.981
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.851.015.238.005</i>	<i>1.033.607.268.916</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(566.202.804.822)</i>	<i>(470.379.405.935)</i>
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	63.692.309.778	-
<i>Nguyên giá</i>	225		<i>65.806.692.123</i>	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		<i>(2.114.382.345)</i>	-
Tài sản cố định vô hình	227	18	19.944.970.509	8.513.424.423
<i>Nguyên giá</i>	228		<i>34.357.757.765</i>	<i>21.252.921.543</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		<i>(14.412.787.256)</i>	<i>(12.739.497.120)</i>
Bất động sản đầu tư	230	19	59.092.428.908	-
<i>Nguyên giá</i>	231		<i>60.093.995.500</i>	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		<i>(1.001.566.592)</i>	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		120.567.157.794	129.151.868.730
Xây dựng cơ bản dở dang	242	20	120.567.157.794	129.151.868.730
Đầu tư tài chính dài hạn	250	21	288.819.751.053	72.713.193.139
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		96.108.096.319	7.133.049.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		192.711.654.734	77.704.479.384
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(12.124.335.245)
Tài sản dài hạn khác	260		197.561.665.931	19.650.369.016
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	147.820.030.015	1.873.410.601
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	4.561.514.910	7.415.692.084
Lợi thế thương mại	269	23	45.180.121.006	10.361.266.331
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.972.987.792.017	2.429.595.013.806

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

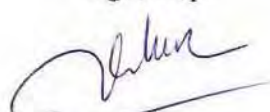
Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.832.763.699.679	1.515.903.437.931
Nợ ngắn hạn	310		3.192.388.996.268	1.448.329.638.152
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	375.919.715.308	111.841.437.258
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	25	74.417.564.332	47.581.790.505
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	313	26(a)	14.182.472.481	20.239.067.632
Phải trả người lao động	314		42.241.938.567	21.615.193.302
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27	43.313.667.761	83.407.402.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	28	83.923.641.509	46.315.522.659
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	2.524.684.378.266	1.111.333.349.390
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	33.705.618.044	5.995.875.091
Nợ dài hạn	330		640.374.703.411	67.573.799.779
Phải trả dài hạn khác	337		109.000.000	532.640.000
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	635.913.322.611	67.041.159.779
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	3.352.380.800	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.000.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.140.224.092.338	913.691.575.875
Vốn chủ sở hữu	410	31	2.140.224.092.338	913.691.575.875
Vốn cổ phần	411	32	1.295.111.980.000	629.949.180.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		461.712.700.000	39.817.240.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		336.806.622	
Quỹ đầu tư phát triển	418	34	164.946.980.894	144.497.938.660
Lợi nhuận chưa phân phối	421		209.743.513.798	99.427.217.215
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		13.152.652.380	63.126.443.624
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		196.590.861.418	36.300.773.591
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		8.372.111.024	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.972.987.792.017	2.429.595.013.806

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
 Kế toán trưởng



Trần Quốc Trang
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 02 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	4.388.304.573.122	2.988.769.083.174
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	22.017.976.642	13.957.338.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	36	4.366.286.596.480	2.974.811.744.902
Giá vốn hàng bán	11	37	3.764.194.583.074	2.627.304.143.427
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		602.092.013.406	347.507.601.475
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	68.093.642.215	47.863.862.875
Chi phí tài chính	22	39	123.741.662.266	74.909.648.999
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>112.614.495.163</i>	<i>67.197.422.177</i>
Phần lãi trong các công ty liên kết	24	21	5.379.902.948	3.119.664
Chi phí bán hàng	25	40	106.191.522.424	81.477.991.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	154.874.850.106	115.598.984.610
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		290.757.523.773	123.387.959.144
Thu nhập khác	31	42	9.276.333.037	4.024.794.657
Chi phí khác	32		3.946.632.938	647.370.000
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.329.700.099	3.377.424.657
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		296.087.223.872	126.765.383.801
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	49.287.635.053	35.229.077.605
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	44	(1.500.773.873)	(7.415.692.084)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		248.300.362.692	98.951.998.280

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		248.300.362.692	98.951.998.280
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		247.928.487.392	98.951.998.280
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		371.875.300	-
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	2.052	1.571

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng



Trần Quế Trang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã	Thuyết	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	số	minh	30/6/2016	30/6/2015
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		296.087.223.872	126.765.383.801
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		127.365.426.816	53.102.418.888
Các khoản dự phòng	03		664.952.551	5.249.248.270
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		225.633.513	880.799.429
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(6.851.282.353)	(529.673.126)
Giá trị còn lại của tài sản cố định xóa sổ	05		316.725.000	-
Thu nhập tiền lãi	05		(64.227.284.130)	(42.679.262.399)
Phần lãi trong các công ty liên kết	05		(5.379.902.948)	(3.119.664)
Thu nhập cổ tức	05		(627.704.000)	(2.223.558.000)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	05		1.928.640.000	-
Thu nhập tài chính từ hợp nhất kinh doanh	05		(2.169.648.650)	-
Chi phí lãi vay	06		112.614.495.163	67.197.422.177
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		459.947.274.834	207.759.659.376
Biến động các khoản phải thu	09		89.044.746.570	(150.102.584.090)
Biến động hàng tồn kho	10		(617.839.247.125)	134.562.999.640
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		174.197.067.132	127.820.358.722
Biến động chi phí trả trước	12		(104.796.219.664)	1.138.750.715
			553.621.747	321.179.184.363
Tiền lãi vay đã trả	14		(106.501.290.440)	(67.549.792.446)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(59.490.681.940)	(27.084.521.250)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(29.571.771.118)	(6.484.961.374)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(195.010.121.751)	220.059.909.293

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(177.031.454.672)	(82.414.029.022)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		93.888.388.228	4.784.965.410
Tiền chi cho các đơn vị khác vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.054.400.000.000)	(351.000.000.000)
Tiền thu từ cho các đơn vị khác vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		557.021.461.456	299.131.109.972
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(84.661.897.300)	(12.487.536.700)
Mua các công ty con (trừ số dư tiền của các công ty con được mua) (Thuyết minh 6)	25		(8.861.363.765)	-
Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		2.250.000.000	-
Tiền thu lãi và cổ tức	27		58.046.535.175	28.069.575.777
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(613.748.330.878)	(113.915.914.563)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ chi phí phát hành	31		61.191.000.000	-
Tiền thu từ vốn góp vào công ty con của cổ đông không kiểm soát	31		2.400.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.558.040.817.345	2.706.921.157.611
Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.266.051.672.184)	(2.782.059.110.310)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(5.136.994.868)	
Tiền trả cổ tức	36		(61.634.410.300)	(62.910.348.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.288.808.739.993	(138.048.301.199)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		480.050.287.364	(31.904.306.469)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		39.259.307.816	71.162.997.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		28.542.755	617.043
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	61		336.806.622	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	519.674.944.557	39.259.307.816

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thủy Tiên
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Quế Trang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2006 và chính thức giao dịch vào ngày 20 tháng 12 năm 2006.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất đường; trồng mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón và vật tư ngành nông nghiệp; sản xuất và kinh doanh điện; và tư vấn kỹ thuật và quản lý trong ngành sản xuất mía đường.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm Công ty

Trụ sở chính và nhà máy của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai. Các chi nhánh, văn phòng đại diện và nhà máy khác trực thuộc Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa – Tây Ninh được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-001 cấp lần đầu ngày 13 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 11 ngày 29 tháng 9 năm 2015, tại Quốc lộ 22B, Ấp Tân Phước, Phường Tân Bình, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-009 cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 5 ngày 23 tháng 9 năm 2015, tại Thôn 1, Xã Trị An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Chi nhánh Nông trường Biên Hòa – Thành Long được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-011 cấp ngày 26 tháng 4 năm 2014, tại Ấp Thanh Đông, Xã Thành Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đà Nẵng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600495818-002 cấp lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2001, thay đổi lần thứ 5 ngày 24 tháng 9 năm 2013, tại số 280 – 282, Đường Lê Thanh Nghị, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Chi nhánh này đã giải thể vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty.
- Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập theo Giấy Chứng nhận văn phòng đại diện số 3600495818-012 ngày 8 tháng 9 năm 2014, tại số 62, Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 8 công ty con và 2 công ty liên kết (1/7/2015: 2 công ty con và 1 công ty liên kết), như sau:

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2016	1/7/2015
Các công ty con				
Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi ("Hải Vi") (vi)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900244283 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29 tháng 7 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Biên Hòa – Thành Long ("Biên Hòa – Thành Long") (i)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh phân bón, vật tư ngành nông nghiệp.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3900854955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 8 tháng 12 năm 2009.	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa ("NHS") (trước đây là Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa) (ii)	Sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4200636590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 20 tháng 11 năm 2015.	100%	0,66%

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2016	1/7/2015
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”) (ii)	Chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn gia súc; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005.	66,97%	-
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa (“Nhiệt điện Ninh Hòa”)	Sản xuất điện; cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4201575358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 9 tháng 10 năm 2013.	100%	-
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company (“NHS PTE”) (ii)	Kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía và các sản phẩm nông sản khác.	Giấy Chứng nhận Đầu tư Nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 8 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	100%	-
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang (trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) (iii)	Sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc các phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất và kinh doanh phân bón.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 21 tháng 8 năm 2015.	94,51%	6,97%
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa (“Thương mại Biên Hòa”) (iv)	Kinh doanh đường và các sản phẩm có sử dụng đường làm nguyên liệu, kinh doanh các loại thực phẩm và đồ uống.	Giấy phép Kinh doanh số 0313733213 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 4 năm 2016.	98%	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty	Các hoạt động chính	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	
			30/6/2016	1/7/2015
Các công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công (“Mía đường Thành Thành Công”) (ii)	Nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía đường.	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013.	38,00%	24,00%
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh (“Mía đường Tây Ninh”)	Trồng mía; sản xuất và kinh doanh đường, sản và cao su.	Giấy phép Kinh doanh số 3900243272 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 23 tháng 5 năm 2007.	26,49%	-

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty vẫn chưa góp vốn vào Biên Hòa – Thành Long và công ty này vẫn đang trong giai đoạn trước hoạt động.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 27 tháng 6 năm 2014, các Cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua thêm 99,34% cổ phần của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) bằng cách phát hành thêm cổ phiếu của Công ty cho cổ đông hiện hữu của NHS với tỷ lệ hoán đổi là 1:1. Vào ngày 9 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phát hành thêm 60.349.080 cổ phiếu cho việc mua lại trên và việc mua lại đã hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2015. Sau khi Công ty sở hữu 100% cổ phiếu của NHS, NHS đã đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Tại ngày 31 tháng 10 năm 2015, NHS có các công ty con sau:

Công ty	Tỷ lệ sở hữu 31/10/2015
Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung	62,92%
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa	100%
Ninh Hoa Sugar Private Limited Company	100%

Ngoài ra, do kết quả của việc mua lại này, lợi ích kinh tế của Nhóm Công ty trong Mía đường Thành Thành Công tăng từ 24% lên 38% từ ngày 31 tháng 10 năm 2015. Phần tăng thêm này tương ứng với tỷ lệ lợi ích của NHS trong Mía đường Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông ngày 26 tháng 10 năm 2015, Cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua lại 87,54% cổ phần của Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang bằng tiền mặt là 78.781 triệu VND. Việc mua lại này đã hoàn thành vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.
- (iv) Công ty đã góp 117.600 triệu VND tương đương 98% lợi ích vốn chủ sở hữu vào Công ty Cổ phần Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa vào ngày 31 tháng 5 năm 2016.
- (v) Ngày 9 tháng 5 năm 2016, Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Một thành viên Biên Hòa – Ninh Hòa quyết định thanh lý 49% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Nhiệt điện Ninh Hòa. Tại ngày lập báo cáo này, việc thanh lý chưa được hoàn tất.
- (vi) Ngày 16 tháng 9 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc chuyển nhượng 99% vốn góp của Công ty tại Hải Vi. Tại ngày lập báo cáo này, việc chuyển nhượng chưa được hoàn tất.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có 1.872 nhân viên (1/7/2015: 894 nhân viên).

(e) Các hoạt động kinh doanh có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã mua lại lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang. Ban Tổng Giám đốc dự kiến rằng Nhóm Công ty sẽ có thêm thị phần và linh hoạt hơn trong việc đưa ra các chiến lược tài chính sau khi thực hiện các giao dịch mua lại các công ty này.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”). Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực từ sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, Nhóm Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Không có thay đổi trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty do việc áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(v) Hợp nhất kinh doanh

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho Nhóm Công ty. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của đơn vị bị mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý khi hợp nhất tại ngày mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu do Nhóm Công ty phát hành tại ngày mua. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc công cụ vốn chủ sở hữu, mà Nhóm Công ty phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể thì không được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty hoặc các công ty con và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận góp vốn cổ phần.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận khoản phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con dự kiến thanh toán khoản nợ phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kế toán năm. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty hoặc các công ty con gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kế toán năm. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Các khoản trả trước cho người bán

Trong các khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Chính sách kế toán cho dự phòng các khoản phải thu quá hạn của Nhóm Công ty được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Nhóm Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của quyền sử dụng đất từ 19 năm đến 20 năm.

(ii) Chi phí phát triển

Chi phí cho các hoạt động phát triển mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Nhóm Công ty có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí phát triển được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí phát triển khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm khi các chi phí này phát sinh. Chi phí phát triển đã vốn hóa được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, trong đó khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 15 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| ▪ quyền sử dụng đất | 20 năm |
| ▪ nhà cửa | 20 năm |

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 6 năm đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được phân bổ theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Nhóm Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(s) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(t) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo nghị quyết của các cổ đông tại các đại hội cổ đông.

(u) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu bán điện

Doanh thu được ghi nhận căn cứ vào số lượng điện đã cung cấp và giá bán thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(w) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(x) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(y) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi, nếu có. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 giảm 350 VND.

(z) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(aa) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Báo cáo bộ phận

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh, đó là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Hợp nhất kinh doanh

(i) Mua Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“NHS”) – giao dịch không chịu sự kiểm soát chung

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 99,34% lợi ích vốn chủ sở hữu trong NHS bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của NHS. Sau khi hoàn tất giao dịch, Công ty sở hữu 100% lợi ích trong NHS tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng ghi nhận 1.541.944.650 VND trong thu nhập hoạt động tài chính như là khoản điều chỉnh giá trị hợp lý cho các cổ phiếu của NHS do Công ty sở hữu tại ngày mua.

Chi tiết tổng khoản thanh toán cho việc mua khoản đầu tư này như sau:

	Giá trị VND
Giá trị thị trường của 60.349.080 cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 cho 99,34% lợi ích vốn chủ sở hữu	1.025.934.360.000
Giá trị ghi sổ của cổ phiếu NHS do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	4.792.591.350
Điều chỉnh giá trị hợp lý cho cổ phiếu NHS do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	1.541.944.650
Tổng khoản thanh toán cho việc mua lại	1.032.268.896.000

Giá trị thị trường của 60.349.080 cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 31 tháng 10 năm 2015 được xác định theo giá thị trường tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 10 năm 2015, trước khi phát hành các cổ phiếu mới này.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc mua lại có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước ngày mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại ngày mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	66.892.539.551	-	66.892.539.551
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu của khách hàng	146.756.800.544	-	146.756.800.544
Trả trước cho người bán	179.517.070.236	-	179.517.070.236
Phải thu về cho vay	90.000.000.000	-	90.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	11.719.529.639	-	11.719.529.639
Hàng tồn kho	78.741.645.242	7.327.276.626	86.068.921.868
Chi phí trả trước ngắn hạn	34.840.422.117	-	34.840.422.117
Tài sản ngắn hạn khác	33.299.308.282	-	33.299.308.282
Tài sản cố định hữu hình	546.500.693.044	-	546.500.693.044
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	52.482.413.775	-	52.482.413.775
Tài sản cố định vô hình	750.544.746	-	750.544.746
Xây dựng cơ bản dở dang	155.311.232.672	-	155.311.232.672
Đầu tư tài chính dài hạn	252.019.042.400	36.120.544.000	288.139.586.400
Chi phí trả trước dài hạn	21.627.054.077	-	21.627.054.077
Lợi thế thương mại	1.856.430.057	(1.856.430.057)	-
Tài sản dài hạn khác	6.529.285.294	-	6.529.285.294
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(471.169.197.115)	-	(471.169.197.115)
Phải trả người bán	(77.335.574.651)	-	(77.335.574.651)
Người mua trả tiền trước	(932.459.582)	-	(932.459.582)
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà nước	(7.148.719.939)	-	(7.148.719.939)
Nợ phải trả khác	(13.460.862.638)	-	(13.460.862.638)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(125.322.019.148)	-	(125.322.019.148)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.748.618.821)	-	(4.748.618.821)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(7.956.836.463)	(7.956.836.463)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	980.726.559.782	33.634.554.106	1.014.361.113.888
Tài sản thuần được mua lại			1.012.308.729.629
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			19.960.166.371
Khoản thanh toán cho việc mua lại			1.032.268.896.000
Trong đó:			
Khoản tiền và tiền thuần thu được			66.892.539.551

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Mua Công ty Cổ phần Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) – giao dịch không chịu sự kiểm soát chung

Vào ngày 31 tháng 10 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm 87,54% lợi ích vốn chủ sở hữu trong Đường Phan Rang với khoản thanh toán bằng tiền là 78.781 triệu VND. Sau khi hoàn tất giao dịch, Công ty sở hữu 94,51% lợi ích trong Đường Phan Rang tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ngoài ra, Nhóm Công ty cũng ghi nhận 627.704.000 VND trong thu nhập hoạt động tài chính như là khoản điều chỉnh giá trị hợp lý cho các cổ phiếu của Đường Phan Rang do Công ty sở hữu tại ngày mua.

Chi tiết tổng khoản thanh toán cho việc mua khoản đầu tư này như sau:

	Giá trị VND
Khoản tiền thanh toán cho 87,54% lợi ích vốn chủ sở hữu	78.781.480.000
Giá trị ghi sổ của cổ phiếu Đường Phan Rang do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	5.649.336.000
Điều chỉnh giá trị hợp lý cho cổ phiếu Đường Phan Rang do Công ty sở hữu tại ngày 31 tháng 10 năm 2015	627.704.000
Tổng khoản thanh toán cho việc mua lại	85.058.520.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Việc mua lại có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Nhóm Công ty tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi sổ trước ngày mua VND	Các điều chỉnh giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi nhận tại ngày mua VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.027.576.684	-	3.027.576.684
Phải thu của khách hàng	23.440.206.233	-	23.440.206.233
Trả trước cho người bán	40.448.596.340	-	40.448.596.340
Phải thu ngắn hạn khác	1.737.975.795	-	1.737.975.795
Hàng tồn kho	5.769.802.278	-	5.769.802.278
Chi phí trả trước ngắn hạn	689.767.042	-	689.767.042
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	249.504.616	-	249.504.616
Tài sản ngắn hạn khác	148.169.953	-	148.169.953
Tài sản cố định hữu hình	92.500.090.101	-	92.500.090.101
Xây dựng cơ bản dở dang	4.360.187.554	-	4.360.187.554
Chi phí trả trước dài hạn	280.600.128	-	280.600.128
Tài sản dài hạn khác	276.504.616	-	276.504.616
Vay ngắn hạn	(64.255.974.000)	-	(64.255.974.000)
Phải trả người bán	(4.006.407.544)	-	(4.006.407.544)
Người mua trả tiền trước	(187.278.810)	-	(187.278.810)
Thuế và các khoản phải nộp			
Ngân sách Nhà nước	(67.838.602)	-	(67.838.602)
Phải trả người lao động	(3.008.202.502)	-	(3.008.202.502)
Phải trả dài hạn khác	(1.849.894.006)	-	(1.849.894.006)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.506.081.898)	-	(4.506.081.898)
Vay dài hạn	(26.635.318.424)	-	(26.635.318.424)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	68.411.985.554	-	68.411.985.554
Tài sản thuần được mua			64.655.802.683
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại			20.402.717.317
Khoản thanh toán cho việc mua lại			85.058.520.000
Trong đó:			
Khoản thanh toán bằng tiền			(78.781.480.000)
Khoản tiền thu được			3.027.576.684
Khoản tiền thanh toán thuần			(75.753.903.316)

Lợi thế thương mại được ghi nhận trong giao dịch mua lại hoạt động kinh doanh phát sinh chủ yếu từ lợi ích của việc phối hợp các hoạt động của các đơn vị bị mua lại với hoạt động kinh doanh hiện tại của Công ty.

Từ ngày mua lại đến ngày 30 tháng 6 năm 2016, các hoạt động kinh doanh mua lại đã góp 1.004 triệu VND doanh thu thuần và 94.086 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế vào kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Tiền mặt	672.093.351	439.725.788
Tiền gửi ngân hàng	436.402.851.206	8.928.352.028
Tiền đang chuyển	-	691.230.000
Các khoản tương đương tiền	82.600.000.000	29.200.000.000
	519.674.944.557	39.259.307.816

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: không).

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 5,0% đến 6,8% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 4,7%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tất cả các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 131 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: không).

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	174.154.194.588	211.914.294
Công ty Nước giải khát Suntory PepsiCo Việt Nam	136.069.815.000	31.037.580.000
Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam	61.562.172.000	32.699.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.534.465.784	164.344.146.994
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	-	46.019.019.851
Các khách hàng khác	152.193.436.222	122.876.891.381
	532.514.083.594	397.188.652.520

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	532.514.083.594	397.188.652.520

(c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	174.154.194.588	211.914.294
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	8.534.465.784	164.344.146.994
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	26.620.550	-
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	8.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	6.006.658	730.308.645
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	-	255.816.511
Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai	-	125.368.655

Phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 15 ngày đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ là 491 tỷ VND (1/7/2015: 342 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

10. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Global Mind Commodities Trading Pte Limited	220.781.750.000	-
Trả trước cho nông dân trồng mía	251.132.103.444	116.764.394.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	164.705.792.455
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	26.423.500.992
Các nhà cung cấp khác	48.700.570.059	87.100.860.426
	520.614.423.503	394.994.548.622

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Trả trước cho người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	500.867.125.679	377.346.149.810
Dài hạn	19.747.297.824	17.648.398.812
	520.614.423.503	394.994.548.622

(c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	11.509.412.465	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	112.668.750	83.653.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	164.705.792.455
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	-	26.423.500.992

Khoản trả trước cho các bên liên quan không được bảo đảm và hưởng lãi suất năm từ 7,5% đến 8,5% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 8,2% đến 8,5%).

Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bằng quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất tháng là từ 0,8% đến 0,9% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 0,9%). Khoản trả trước cho nông dân trồng mía được thu hồi trong thời hạn từ 1 năm đến 4 năm kể từ ngày giải ngân.

Trong năm, Nhóm Công ty đã cấp trừ 449 tỷ VND khoản trả trước cho và lãi phải thu từ nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 180 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu về cho vay

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Phải thu về cho vay từ các bên liên quan:		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	75.000.000.000	75.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	69.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	317.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	80.000.000.000	-
Phải thu về cho vay từ các bên thứ ba:		
Công ty Cổ phần Khai thác và Quản lý Khu Công nghiệp Đặng Huỳnh	48.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước khoáng Vital	-	2.921.461.456
Khác	800.000.000	-
	590.300.000.000	77.921.461.456
Ngắn hạn	425.300.000.000	77.921.461.456
Dài hạn	165.000.000.000	-

Các khoản phải thu về cho vay hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 11% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 4,75% đến 11%). Các khoản phải thu về cho vay này không được đảm bảo.

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	101.430.000.000	-
Mua cổ phần chưa nhận sổ cổ đông	-	6.838.200.700
Phải thu lãi từ nông dân trồng mía	8.784.700.328	2.852.868.841
Tạm ứng cho người lao động	14.008.153.506	2.489.480.272
Đặt cọc ngắn hạn (*)	43.442.229.250	661.500.000
Phải thu khác	14.605.229.531	949.569.744
	182.270.312.615	13.791.619.557

(*) Khoản này chủ yếu bao gồm các khoản đặt cọc để thuê đất trồng mía tại Thành Long, Tỉnh Tây Ninh.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

30/6/2016					1/7/2015			
Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn từ trả trước cho nông dân trồng mía								
Nguyễn Minh Đạt	1.548	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-	1.183	4.753.149.384	(4.753.149.384)	-
Nguyễn Văn Thanh		-	-	-	818	3.749.281.161	(2.658.221.445)	1.091.059.716
Nguyễn Văn Bình	1.184	3.749.281.161	(3.749.281.161)	-		-	-	-
Võ Thành Vinh	461	2.222.892.349	(1.111.446.175)	1.111.446.174		-	-	-
Lê Văn Hùng	1.183	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-	818	1.072.151.037	(1.072.151.037)	-
Khác		7.644.036.827	(6.215.207.414)	1.428.829.413		4.216.947.280	(3.122.156.281)	1.094.790.999
		19.441.510.758	(16.901.235.171)	2.540.275.587		13.791.528.862	(11.605.678.147)	2.185.850.715
Nợ quá hạn từ phải thu của khách hàng								
Công ty TNHH Phước Thịnh	1.673	999.809.072	(999.809.072)	-	1.308	999.809.072	(999.809.072)	-
Xí nghiệp Sản xuất Gia công								
Bao đay Đại Thắng	4.933	315.035.552	(315.035.552)	-	4.564	315.035.552	(315.035.552)	-
Khác		123.899.227	(123.899.227)	-		126.639.516	(126.639.516)	-
		1.438.743.851	(1.438.743.851)	-		1.441.484.140	(1.441.484.140)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi		(18.339.979.022)		(13.047.162.287)				
– ngắn hạn								

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2016 Giá gốc VND	1/7/2015 Giá gốc VND
Hàng mua đang đi đường	52.256.152	-
Nguyên vật liệu	422.884.188.304	54.209.965.390
Công cụ và dụng cụ	17.232.294.991	14.901.818.581
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.251.848.847	41.804.976.811
Thành phẩm	871.805.731.516	579.561.686.615
Hàng hóa	26.167.258.588	12.088.479.097
Hàng gửi đi bán	10.851.319.367	-
	1.412.244.897.765	702.566.926.494

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 989 tỷ VND (1/7/2015: 393 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

15. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Chi phí trả trước cho mùa vụ sản xuất tiếp theo	21.047.003.529	9.137.121.374
Bảo trì tài sản cố định	3.540.076.234	2.673.514.504
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.035.818.259	1.879.423.877
	28.622.898.022	13.690.059.755

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	-	1.873.410.601	1.873.410.601
Mua các công ty con	13.012.539.031	8.895.115.174	21.907.654.205
Tăng trong năm	123.164.684.947	7.739.163.544	130.903.848.491
Phân bổ trong năm	(1.716.516.079)	(5.148.367.203)	(6.864.883.282)
Số dư cuối năm	134.460.707.899	13.359.322.116	147.820.030.015

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 128 tỷ VND (1/7/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	207.556.733.613	782.087.340.021	32.990.144.450	10.973.050.832	1.033.607.268.916
Mua các công ty con	69.012.418.208	551.406.182.280	15.892.271.675	2.689.910.982	639.000.783.145
Tăng trong năm	711.256.080	9.789.265.527	3.871.250.819	556.653.455	14.928.425.881
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	39.464.734.520	227.636.950.866	1.941.385.091	2.998.280.304	272.041.350.781
Thanh lý	(574.436.845)	(104.092.203.002)	(3.358.715.486)	(32.000.000)	(108.057.355.333)
Xóa sổ	(463.500.000)	(41.735.385)	-	-	(505.235.385)
Số dư cuối năm	315.707.205.576	1.466.785.800.307	51.336.336.549	17.185.895.573	1.851.015.238.005
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	92.217.736.996	359.851.947.164	12.985.624.889	5.324.096.886	470.379.405.935
Khấu hao trong năm	15.997.755.268	93.689.443.869	5.573.891.878	1.771.067.715	117.032.158.730
Thanh lý	(574.436.845)	(18.503.884.293)	(1.934.994.980)	(6.933.340)	(21.020.249.458)
Xóa sổ	(146.775.000)	(41.735.385)	-	-	(188.510.385)
Số dư cuối năm	107.494.280.419	434.995.771.355	16.624.521.787	7.088.231.261	566.202.804.822
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	115.338.996.617	422.235.392.857	20.004.519.561	5.648.953.946	563.227.862.981
Số dư cuối năm	208.212.925.157	1.031.790.028.952	34.711.814.762	10.097.664.312	1.284.812.433.183

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 186.648 triệu VND đã khấu hao hết (1/7/2015: 113.813 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 869 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: 282 tỷ VND).

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Mua các công ty con	52.482.413.775
Tăng trong năm	7.988.532.728
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.335.745.620
Số dư cuối năm	65.806.692.123
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	2.114.382.345
Số dư cuối năm	2.114.382.345
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	63.692.309.778

Nhóm Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính. Đến cuối thời hạn thuê, Nhóm Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 29).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chi phí phát triển VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.759.072.958	4.711.656.654	1.782.191.931	21.252.921.543
Mua các công ty con	606.936.260	-	143.608.486	750.544.746
Tăng trong năm	6.445.501.294	-	49.370.000	6.494.871.294
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.669.169.200	-	1.190.250.982	5.859.420.182
Phân loại lại	1.167.385.487	(1.167.385.487)	-	-
Số dư cuối năm	27.648.065.199	3.544.271.167	3.165.421.399	34.357.757.765
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	7.905.915.195	4.290.954.731	542.627.194	12.739.497.120
Khấu hao trong năm	887.296.983	105.045.864	680.947.289	1.673.290.136
Phân loại lại	1.167.385.487	(1.167.385.487)	-	-
Số dư cuối năm	9.960.597.665	3.228.615.108	1.223.574.483	14.412.787.256
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	6.853.157.763	420.701.923	1.239.564.737	8.513.424.423
Số dư cuối năm	17.687.467.534	315.656.059	1.941.846.916	19.944.970.509

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản với nguyên giá 9.752 triệu VND (1/7/2015: 2.228 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Tăng trong năm và số dư cuối năm	17.560.643.130	42.533.352.370	60.093.995.500
Giá trị hao mòn lũy kế			
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	292.677.386	708.889.206	1.001.566.592
Giá trị còn lại			
Số dư cuối năm	17.267.965.744	41.824.463.164	59.092.428.908

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59 tỷ VND (1/7/2015: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

20. Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	129.151.868.730	121.495.589.838
Mua các công ty con	159.671.420.226	-
Tăng trong năm	114.980.385.421	87.427.435.576
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(272.041.350.781)	(79.001.406.684)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	(5.335.745.620)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(5.859.420.182)	(769.750.000)
Số dư cuối năm	120.567.157.794	129.151.868.730

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (*)	39.682.376.555	39.682.376.555
Dự án sản xuất mía đường đặt tại sông Vàm Cỏ (**)	23.512.406.107	23.512.406.107
Xây dựng cơ bản dở dang tại Trụ sở chính	14.293.455.545	43.118.292.657
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nông trường Thành Long	19.611.420.423	13.165.047.891
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Trị An	8.845.623.334	7.705.677.957
Xây dựng cơ bản dở dang tại Ninh Hòa và Phan Rang	7.807.357.706	-
Xây dựng cơ bản dở dang tại Nhà máy Tây Ninh	829.342.560	1.968.067.563
Xây dựng cơ bản dở dang khác	5.985.175.564	-
	120.567.157.794	129.151.868.730

(*) Ngày 16 tháng 6 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng với Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án này với giá trị chuyển nhượng là 2.026.740 USD và bên mua đã ứng trước 1.621.392 USD cho Công ty. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, các thủ tục và tài liệu liên quan đến việc bán dự án này chưa được hoàn thành do có sự thay đổi trong các luật và quy định của Campuchia, do đó xây dựng cơ bản dở dang chưa được ghi giảm trên các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(**) Công ty đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư mới để chuyển nhượng dự án này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 19 tỷ (1/7/2015: 6 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 312 triệu VND (năm kết thúc ngày 30/6/2015: không).

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2016					1/7/2015				
	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu/quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:										
▪ Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công	1.140.000	38,00%	11.306.092.064	-	(*)	720.000	24,00%	7.133.049.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	7.789.310	26,49%	84.802.004.255	-	(*)			-	-	
			96.108.096.319	-				7.133.049.000	-	
Đầu tư tài chính dài hạn khác vào các đơn vị khác:										
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Sơn Dương	1.185.570	13,08%	11.432.286.000	-	(*)			-	-	
▪ Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (**)	12.234.472	6,59%	181.279.368.734	-	381.715.526.400			-	-	
▪ Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai (**)			-	-		4.046.196	10,37%	58.262.552.034	(10.922.058.834)	47.340.493.200
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín			-	-		750.000	5,00%	9.000.000.000	(1.202.276.411)	(*)
▪ Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa			-	-		400.920	0,66%	4.792.591.350	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang			-	-		313.852	6,97%	5.649.336.000	-	(*)
			192.711.654.734	-				77.704.479.384	(12.124.335.245)	
			288.819.751.053	-				84.837.528.384	(12.124.335.245)	

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh tại ngày báo cáo.

- (**) Trong năm, Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh đã phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai (trước đây là Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai) để mua lại 100% cổ phần của công ty này với tỷ lệ hoán đổi là 1:1,05.

Biến động các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	7.133.049.000	7.129.929.336
Mua các công ty con	4.200.000.000	-
Tăng trong năm	79.450.962.000	-
Biến động giá trị tài sản thuần thuộc về Nhóm Công ty	(55.817.629)	-
Phần lãi trong các công ty liên kết	5.379.902.948	3.119.664
Số dư cuối năm	96.108.096.319	7.133.049.000

Biến động các khoản đầu tư vốn dài hạn vào đơn vị khác trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	77.704.479.384	72.055.143.384
Mua các công ty con	283.939.586.400	-
Tăng trong năm	11.432.286.000	5.649.336.000
Chuyển sang đầu tư vào công ty con	(10.441.927.350)	-
Thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dài hạn	(49.000.000.000)	-
Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư	(8.564.129.700)	-
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai (***)	(103.358.640.000)	-
Thanh lý khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín	(9.000.000.000)	-
Số dư cuối năm	192.711.654.734	77.704.479.384

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(***) Nhóm Công ty đã thanh lý toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Điện Gia Lai vào tháng 5 năm 2016. Giao dịch thanh lý được tóm tắt như sau:

	VND
Giá bán	101.430.000.000
Trừ: Giá vốn khoản đầu tư tại ngày thanh lý	(103.358.640.000)
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	(1.928.640.000)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Số dư đầu năm	12.124.335.245	10.112.819.634
Tăng trong năm	5.547.723.589	7.467.825.911
Hoàn nhập trong năm	(10.922.058.834)	(5.456.310.300)
Sử dụng trong năm	(6.750.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	12.124.335.245

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty (1/7/2015: không). Ngoài ra, một phần của khoản đầu tư tài chính dài hạn vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 165 tỷ VND cũng được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Nhóm Công ty.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2016		1/7/2015	
	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả
	VND	VND	VND	VND
Chi phí phải trả và dự phòng	1.928.703.378	-	7.415.692.084	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	2.632.811.532	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	(3.352.380.800)	-	-
Tổng tài sản thuế hoãn lại/(thuế hoãn lại phải trả)	4.561.514.910	(3.352.380.800)	7.415.692.084	-

23. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	21.813.192.278
Tăng trong năm (Thuyết minh 6)	40.362.883.688
Số dư cuối năm	62.176.075.966
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	11.451.925.947
Phân bổ trong năm	5.544.029.013
Số dư cuối năm	16.995.954.960
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	10.361.266.331
Số dư cuối năm	45.180.121.006

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2016 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND	1/7/2015 Giá gốc/Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	220.671.267.055	913.962.878
Công ty TNHH Một thành viên Thành Thành Công – Gia Lai	53.200.900.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Biên Hòa – Ninh Hòa	-	69.305.221.681
Các nhà cung cấp khác	102.047.548.253	41.622.252.699
	375.919.715.308	111.841.437.258

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Ngắn hạn	375.919.715.308	111.841.437.258

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh	220.671.267.055	913.962.878
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên	2.472.649.840	549.425.041
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	2.469.160.491	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre	1.703.896.800	-
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công	133.070.769	-
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh	10.000.000	-

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

Không có khoản nợ quá hạn chưa thanh toán nào tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 1 tháng 7 năm 2015.

25. Người mua trả tiền trước

Trong khoản người mua trả tiền trước có khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2016	1/7/2015
	VND	VND
Trả trước từ các bên liên quan	5.603.955.912	370.913.853

Khoản trả trước từ các bên liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Ngân sách Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/7/2015 VND	Mua các công ty con VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cần trừ trong năm VND	30/6/2016 VND
Thuế					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.355.823.485	7.138.364.107	49.287.635.053	(59.490.681.940)	12.291.140.705
Thuế giá trị gia tăng	4.737.628.779	327.314	64.277.455.158	(67.259.913.609)	1.755.497.642
Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu	-	-	54.817.054.668	(54.817.054.668)	-
Thuế tiêu thu đặc biệt	32.414	-	26.607.360	(26.639.774)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	434.211.376.524	(434.211.376.524)	-
Thuế thu nhập cá nhân	140.474.554	4.600.000	5.397.792.129	(5.412.316.861)	130.549.822
Các loại thuế khác	5.108.400	73.267.120	2.650.718.066	(2.723.809.274)	5.284.312
	20.239.067.632	7.216.558.541	610.668.638.958	(623.941.792.650)	14.182.472.481

(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/7/2015 VND	Mua các công ty con VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	30/6/2016 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại					
Các loại thuế khác	920.476.671	2.352.725.346	380.674.951	(2.357.896.020)	1.295.980.948

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Hỗ trợ nông dân trồng mía	18.810.928.781	-
Chi phí lãi vay	7.778.194.519	1.352.989.796
Chi phí hỗ trợ bán hàng	6.443.055.152	4.492.793.057
Chi phí vận chuyển	1.224.310.226	257.600.000
Mua đường nhập khẩu	-	61.849.665.630
Xây dựng cơ bản dở dang	-	9.732.856.537
Chi phí khác	9.057.179.083	5.721.497.295
	43.313.667.761	83.407.402.315

28. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Phải trả cho Brightway Group Co., Ltd (*)	33.172.706.250	33.172.706.250
Tạm ứng từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (**)	20.000.000.000	-
Khen thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	3.917.392.948	3.917.392.948
Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	6.450.175.000	683.175.000
Cổ tức phải trả	4.630.795.700	1.745.210.200
Chi phí lương và công tác phí cho nhân viên bán hàng	2.112.986.157	1.073.913.713
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn nhận được	1.395.961.625	692.750.000
Phải trả cho nông dân trồng mía	5.988.942.248	-
Phí thu hoạch vụ mùa và phí vận chuyển ký quỹ phải trả cho nông dân trồng mía	326.439.185	298.078.406
Các khoản phải trả khác	5.928.242.396	4.732.296.142
	83.923.641.509	46.315.522.659

(*) Khoản phải trả cho Brightway Group Co., Ltd thể hiện khoản trả trước của Brightway Group Co., Ltd để chuyển nhượng dự án sản xuất mía đường đặt tại Campuchia (Thuyết minh 20).

(**) Một công ty con đã nhận khoản tạm ứng từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa để hỗ trợ các đơn vị tham gia chương trình bình ổn giá đường trong dịp Tết Nguyên đán đầu năm 2017. Khoản ứng trước này chịu lãi suất năm 1,8 % trong năm và phải hoàn trả trong vòng 6 tháng kể từ ngày nhận ứng trước.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/7/2015		Biến động			30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Mua các công ty con VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	1.074.954.379.975	1.074.954.379.975	507.850.293.431	4.925.371.532.161	(4.177.353.779.288)	2.330.822.426.279	2.330.822.426.279
Vay dài hạn đến hạn trả	36.378.969.415	36.378.969.415	25.063.227.604	97.049.836.589	(77.111.314.275)	81.380.719.333	81.380.719.333
Trái phiếu thường đáo hạn trong vòng 12 tháng	-	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả	-	-	2.511.650.080	11.893.197.699	(1.923.615.125)	12.481.232.654	12.481.232.654
	1.111.333.349.390	1.111.333.349.390	535.425.171.115	5.134.314.566.449	(4.256.388.708.688)	2.524.684.378.266	2.524.684.378.266

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	644.946.400.045	257.484.978.534
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng TNHH CTBC – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	VND	32.618.212.959	43.853.711.674
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (c)	VND	160.834.936.032	34.081.070.000
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	99.448.669.652	51.737.418.415
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh (e)	VND	279.698.206.982	292.095.480.743
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Biên Hòa (f)	VND	51.596.232.568	57.935.351.615
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (g)	VND	141.184.013.449	86.346.113.344
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	54.689.824.271	45.000.000.000
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Malayan Banking Berhard – Chi nhánh Hà Nội (h)	VND	44.955.011.263	17.243.531.650
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng BPCE IOM – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	VND	1.051.148.343	-
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	USD	-	132.722.964.000
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	USD	-	56.453.760.000
▪ Khoản vay 13 từ Ngân hàng The Hongkong and Shanghai Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (j)	VND	42.924.581.254	-
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Khánh Hòa (k)	VND	119.917.376.019	-
▪ Khoản vay 15 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (l)	VND	168.791.285.322	-
▪ Khoản vay 16 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (m)	VND	231.212.205.884	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
▪ Khoản vay 17 từ Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (n)	VND	110.000.000.000	-
▪ Khoản vay 18 từ Ngân hàng TNHH CTBC (o)	VND	32.800.000.000	-
▪ Khoản vay 19 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh (p)	VND	20.000.000.000	-
▪ Khoản vay 20 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (q)	VND	36.439.306.036	-
▪ Khoản vay 21 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (r)	VND	57.715.016.200	-
		2.330.822.426.279	1.074.954.379.975

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất năm lần lượt là từ 3,2% đến 6,8% (năm kết thúc ngày 30/6/2015: từ 5,2% đến 6,0%) và 2,5% (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 2,5%) trong năm.

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 800 tỷ VND (1/7/2015: 500 tỷ VND). Khoản vay này, cùng với khoản vay 3, khoản vay 4, khoản vay 5 (Thuyết minh 29(b)(i)), được bảo đảm bằng nhà cửa và vật kiến trúc với giá trị còn lại là 69 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 197 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 18 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (1/7/2015: quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 1 tỷ VND, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 214 tỷ VND và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 3 tỷ VND).
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 45 tỷ VND hoặc 2 triệu USD (1/7/2015: 65 tỷ VND hoặc 3 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 45 tỷ VND (1/7/2015: 98 tỷ VND).
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 268 tỷ VND hoặc 12 triệu USD (1/7/2015: 261 tỷ VND hoặc 12 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 168 tỷ VND (1/7/2015: 163 tỷ VND) mỗi loại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND (1/7/2015: 120 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 100 tỷ VND (1/7/2015: 100 tỷ VND).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400 tỷ VND (1/7/2015: 300 tỷ VND). Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 130 tỷ VND và 98 tỷ VND (1/7/2015: 130 tỷ VND và 31 tỷ VND). Ngoài ra các quyền nhận tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế đã ký kết với Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam mà vẫn còn hiệu lực thi hành và các hợp đồng kinh tế sẽ ký kết cho tới ngày đáo hạn của khoản vay này, cũng được dùng để thế chấp cho khoản vay này.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60 tỷ VND (1/7/2015: 60 tỷ VND) và được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND (1/7/2015: 100 tỷ VND) và được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD (1/7/2015: 109 tỷ VND hoặc 5 triệu USD). Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 50 tỷ VND (1/7/2015: 50 tỷ VND).
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 101 tỷ VND hoặc 4,5 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 101 tỷ VND.
- (j) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 134 tỷ VND hoặc 6 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bởi Công ty và khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 39 tỷ VND và 88 tỷ VND.
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng một phần khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 109 tỷ VND.
- (l) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng phương tiện vận chuyển với giá trị còn lại là 7 tỷ VND và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị là 82 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.
- (m) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 300 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng hàng tồn kho và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng này với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 300 tỷ VND và 49 tỷ VND.
- (n) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 112 tỷ VND hoặc 5 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 69 tỷ VND mỗi loại.
- (o) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 34 tỷ VND hoặc 1,5 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bằng khoản phải thu của khách hàng và hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 22 tỷ VND và 33 tỷ VND.
- (p) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 tỷ VND. Khoản vay này được Công ty bảo lãnh.
- (q) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một bên liên quan bảo lãnh.
- (r) Khoản vay này, cùng với khoản vay 15, khoản vay 16, khoản vay 17 và khoản vay 18 (Thuyết minh 29(b)(i)) có tổng hạn mức tối đa là 127 tỷ VND. Các khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 79 tỷ VND và tiền gửi ngân hàng với giá trị ghi sổ là 2 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Vay dài hạn (i)	282.217.411.305	103.420.129.194
Trái phiếu thường (ii)	500.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính (iii)	47.557.863.293	-
	829.775.274.598	103.420.129.194
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(193.861.951.987)	(36.378.969.415)
	635.913.322.611	67.041.159.779
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng		

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
▪ Khoản vay 1 từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (a)	VND	2018	11.038.521.968	14.718.029.289
▪ Khoản vay 2 từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh (b)	VND	2020	7.242.998.200	9.255.969.000
▪ Khoản vay 3 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (c)	VND	2017	6.924.386.602	18.182.701.572
▪ Khoản vay 4 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (d)	VND	2018	6.138.120.640	8.594.120.640
▪ Khoản vay 5 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai (e)	VND	2018	5.216.121.768	7.775.298.684
▪ Khoản vay 6 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (f)	VND	2022	14.519.689.322	14.428.720.716
▪ Khoản vay 7 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk (g)	VND	2023	80.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
▪ Khoản vay 8 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	2.400.000.000
▪ Khoản vay 9 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	849.825.000
▪ Khoản vay 10 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	4.803.185.030
▪ Khoản vay 11 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	3.645.442.356
▪ Khoản vay 12 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Đồng Nai	VND		-	18.766.836.907
▪ Ngân hàng Hongkong and Shanghai Banking Corporation – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (h)	VND	2018	84.039.649.081	-
▪ Khoản vay 14 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Khánh Hòa (i)	VND	2021	45.900.000.000	-
▪ Khoản vay 15 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	VND	2018	11.891.500.000	-
▪ Khoản vay 16 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	VND	2017	418.032.500	-
▪ Khoản vay 17 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	VND	2018	3.523.916.074	-
▪ Khoản vay 18 từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (j)	VND	2020	2.335.756.550	-
▪ Khoản vay 19 từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận (k)	VND	2018	3.028.718.600	-
			282.217.411.305	103.420.129.194
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(81.380.719.339)	(36.378.969.415)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng			200.836.691.966	67.041.159.779

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản vay chịu lãi suất năm từ 3,9% đến 10,0% trong năm (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 3,9% đến 10,0%).

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 52 tỷ VND và được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30 tỷ VND và được ngân hàng cho vay tín chấp.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 29(a)), khoản vay 4 và khoản vay 5 (Thuyết minh 29(b)(i)).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 11 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 29(a)), khoản vay 3 và khoản vay 5 (Thuyết minh 29(b)(i)).
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 1 (Thuyết minh 29(a)), khoản vay 3 và khoản vay 4 (Thuyết minh 29(b)(i)).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 26 tỷ VND và được bảo đảm bằng máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 26 tỷ VND (1/7/2015: không) và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 1 tỷ VND (1/7/2015: 3 tỷ VND) tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 218 tỷ VND và được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 121 tỷ VND.
- (h) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 268 tỷ VND hoặc 12 triệu USD. Khoản vay này được bảo đảm bởi quyền sử dụng đất trong chi phí trả trước dài hạn và tài sản trên đất trong tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 lần lượt là 7 tỷ VND và 5 tỷ VND. Ngoài ra, khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 146 tỷ VND.
- (i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 148 tỷ VND.
- (j) Các khoản vay này, cùng với khoản vay 21 (Thuyết minh 29(a)), có tổng hạn mức tối đa là 127 tỷ VND và được bảo đảm bằng tài sản chung với khoản vay 21 (Thuyết minh 29(a)).
- (k) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10 tỷ VND. Khoản vay này được bảo đảm bằng máy móc và thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 4 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá:					
Ngân hàng Thương mại		Chỉ phí huy			
Cổ phần Phương Đông		động vốn +			
– Chi nhánh Đắk Lắk	VND	2,75%	2021	500.000.000.000	-
Trái phiếu đáo hạn trong vòng 12 tháng				(100.000.000.000)	-
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				400.000.000.000	-

Các trái phiếu này được bảo đảm bằng bất động sản đầu tư với giá trị còn lại là 59 tỷ VND, máy móc thiết bị với giá trị còn lại là 193 tỷ VND và khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công với giá trị ghi sổ là 56 tỷ VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016. Ngoài ra, các trái phiếu cũng được bảo đảm bằng khoản đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Biên Hòa – Ninh Hòa.

(iii) Nợ thuê tài chính

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu					
Khoản vay 1	USD	10%	2020	36.418.926.144	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay 2	VND	8,5%	2018	3.758.856.191	-
Khoản vay 3	VND	8,5%	2018	7.380.080.958	-
				47.557.863.293	-

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2016		
	VND		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	16.239.602.719	3.758.370.071	12.481.232.648
Trong vòng hai đến năm năm	39.826.966.920	4.750.336.275	35.076.630.645
	56.066.569.639	8.508.706.346	47.557.863.293

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản thuê tài chính (Thuyết minh 17).

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.995.875.091	6.139.733.966
Mua các công ty con	9.254.700.719	-
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối	48.026.813.352	5.318.202.499
Sử dụng quỹ trong năm	(29.571.771.118)	(5.462.061.374)
	33.705.618.044	5.995.875.091

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
<i>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 – như đã trình bày trước đây</i>	629.949.180.000	39.817.240.000	107.083.910.486	-	32.982.192.758	44.339.497.809	-	854.172.021.053
<i>Phân loại lại (Thuyết minh 48)</i>	-	-	32.982.192.758	-	(32.982.192.758)	-	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 – Đã phân loại lại	629.949.180.000	39.817.240.000	140.066.103.244	-	-	44.339.497.809	-	854.172.021.053
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	98.951.998.280	-	98.951.998.280
Cổ tức	-	-	-	-	-	(31.497.459.000)	-	(31.497.459.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	4.431.835.416	-	-	(4.431.835.416)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.318.202.499)	-	(5.318.202.499)
Thưởng cho Ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	(2.616.781.959)	-	(2.616.781.959)
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 – Đã phân loại lại	629.949.180.000	39.817.240.000	144.497.938.660	-	-	99.427.217.215	-	913.691.575.875

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2015 – Đã phân loại lại	629.949.180.000	39.817.240.000	144.497.938.660	-	-	99.427.217.215	-	913.691.575.875
Phát hành cổ phiếu	665.162.800.000	421.895.460.000	-	-	-	-	-	1.087.058.260.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	247.928.487.392	371.875.300	248.300.362.692
Cổ tức (Thuyết minh 33)	-	-	-	-	-	(61.671.999.000)	-	(61.671.999.000)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	20.449.042.234	-	-	(20.449.042.234)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(48.026.813.352)	-	(48.026.813.352)
Thưởng cho Ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Phân bổ vào kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(6.000.000.000)	-	(6.000.000.000)
Góp vốn vào công ty con bởi cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	2.400.000.000	2.400.000.000
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua lại	-	-	-	-	-	-	5.808.567.130	5.808.567.130
Ảnh hưởng của việc tăng đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	(408.518.594)	(208.331.406)	(616.850.000)
Biến động tài sản thuần được chia trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	(55.817.629)	-	(55.817.629)
Chênh lệch quy đổi tiền tệ	-	-	-	336.806.622	-	-	-	336.806.622
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.295.111.980.000	461.712.700.000	164.946.980.894	336.806.622	-	209.743.513.798	8.372.111.024	2.140.224.092.338

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/7/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm kết thúc 30/6/2016		Năm kết thúc 30/6/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	62.994.918	629.949.180.000	62.994.918	629.949.180.000
Cổ phiếu phát hành trong năm để mua lại một công ty con (i)	60.349.080	603.490.800.000	-	-
Cổ phiếu phát hành trong năm bằng tiền (ii)	6.167.200	61.672.000.000	-	-
Số dư cuối năm	129.511.198	1.295.111.980.000	62.994.918	629.949.180.000

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2014, các cổ đông đã phê duyệt cho Công ty mua lại cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa bằng cách phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa với tỷ lệ hoán đổi là 1:1.
- (ii) Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 28 tháng 12 năm 2015 phê duyệt phát hành 6.167.200 cổ phiếu theo mệnh giá cho nhân viên của Công ty theo lựa chọn của họ. Ngày 16 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt phát hành cổ phiếu cho nhân viên của Công ty.

Nghị quyết ngày 15 tháng 8 năm 2016 của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ Công ty bằng cách phát hành 38.853.359 cổ phiếu phổ thông từ thặng dư vốn cổ phần và chào bán 129.511.198 cổ phiếu phổ thông cho Cổ đông hiện hữu. Tại ngày báo cáo này, việc phát hành thêm này chưa được hoàn tất.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

33. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty vào ngày 7 tháng 12 năm 2015 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.672 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 31.497 triệu VND tương đương 500 VND mỗi cổ phiếu).

34. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

35. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Trong vòng một năm	4.507.437.145	3.379.433.437
Từ hai đến năm năm	12.220.846.356	8.783.553.080
Sau năm năm	59.938.106.161	58.041.847.761
	76.666.389.662	70.204.834.278

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	124.882.484.274	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	205.205.820.197	29.997.550.430
	330.088.304.471	29.997.550.430

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tài sản, nguyên vật liệu và hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba

	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ các bên thứ ba	12.380.131.533	33.046.998.148

(d) Ngoại tệ các loại

	30/6/2016		1/7/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	610.980	13.647.326.481	2.628	57.235.009
EUR	250	6.177.750	250	6.065.000
		<u>13.653.504.231</u>		<u>63.300.009</u>

(e) Nợ khó đòi đã xử lý

	Written off in year	30/6/2016 VND	1/7/2015 VND
Phải thu từ khách hàng	Trước 2006	758.295.202	758.295.202
Phải thu từ khách hàng	2006	203.769.039	203.769.039
Phải thu từ khách hàng	2007	1.034.299.060	1.034.299.060
Phải thu từ khách hàng	2008	252.770.900	-
Phải thu từ nông dân trồng mía	2009	70.095.481	70.095.481
Phải thu từ khách hàng	2011	164.641.794	164.641.794
Phải thu từ nông dân trồng mía	2012	7.881.573.485	8.349.337.900
Phải thu từ khách hàng	2014	46.300.961	46.300.961
Phải thu từ nông dân trồng mía	2016	639.049.500	-
Phải thu từ khách hàng	2016	87.015.060	-
		<u>11.137.810.482</u>	<u>10.626.739.437</u>

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Bảo lãnh phát hành

Công ty đã ký một bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho một bên thứ ba cho việc thực hiện đến hạn, đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ của một nhà cung cấp của Công ty, cũng là một khách hàng của Công ty, bất cứ hình thức nào, phát sinh theo và liên quan đến tất cả các hợp đồng hiện tại và tương lai giữa nhà cung cấp/khách hàng của Công ty và bên thứ ba này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Ban Tổng Giám đốc tin rằng không có nghĩa vụ nợ phải trả nào phát sinh đến bảo lãnh này.

36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	4.337.621.910.679	2.978.786.804.840
▪ Bán điện	39.402.841.024	-
▪ Cung cấp dịch vụ	11.279.821.419	9.982.278.334
	4.388.304.573.122	2.988.769.083.174
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(17.550.158.073)	(5.243.282.561)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.938.361.066)	(7.410.310.569)
▪ Giảm giá hàng bán	(2.529.457.503)	(1.303.745.142)
	(22.017.976.642)	(13.957.338.272)
Doanh thu thuần	4.366.286.596.480	2.974.811.744.902

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Giá vốn hàng bán

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hàng hóa đã bán	3.727.167.964.715	2.624.307.030.096
▪ Điện đã cung cấp	31.471.558.024	-
▪ Dịch vụ đã cung cấp	5.555.060.335	2.997.113.331
	3.764.194.583.074	2.627.304.143.427

38. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Lãi từ tiền gửi ngân hàng	4.105.743.523	411.023.644
Lãi từ trả trước cho nông dân trồng mía	14.766.699.460	17.531.327.352
Lãi từ trả trước cho người bán và cho các đơn vị khác vay	41.926.512.921	19.018.959.713
Lãi từ tiền thanh toán chậm của khách hàng	3.428.328.226	5.717.951.690
Thu nhập cổ tức	627.704.000	2.223.558.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.069.005.435	2.961.042.476
Lãi từ hợp nhất kinh doanh	2.169.648.650	-
	68.093.642.215	47.863.862.875

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Chi phí tài chính

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay	112.614.495.163	67.197.422.177
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(10.922.058.834)	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5.547.723.589	2.011.515.611
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	1.928.640.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.028.583.755	5.679.961.211
Chi phí tài chính khác	5.544.278.593	20.750.000
	123.741.662.266	74.909.648.999

40. Chi phí bán hàng

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	36.745.290.747	25.877.048.330
Công cụ và dụng cụ	1.669.821.862	2.291.785.187
Khấu hao và phân bổ	2.008.861.693	1.260.318.557
Chi phí vận chuyển	47.407.062.150	29.992.130.917
Chi phí hỗ trợ bán hàng	11.212.920.005	13.737.693.848
Chi phí khác	7.147.565.967	8.319.014.422
	106.191.522.424	81.477.991.261

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên	84.561.732.599	60.236.853.157
Công cụ và dụng cụ	3.539.718.705	5.672.075.857
Văn phòng phẩm	2.309.447.893	1.476.171.251
Khấu hao và phân bổ	12.395.406.006	5.802.086.242
Thuế và lệ phí	936.370.475	10.122.237
Dự phòng phải thu khó đòi	6.039.287.796	3.229.922.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.721.960.106	16.662.664.082
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.580.575.000	1.208.354.839
Chi phí khác	27.790.351.526	21.300.734.210
	154.874.850.106	115.598.984.610

42. Thu nhập khác

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND Đã phân loại lại
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	6.851.282.353	529.673.126
Tiền thu được các khoản phải thu khó đòi đã xóa sổ	398.819.886	2.477.800.000
Bồi thường nhận được	259.440.369	123.553.051
Thu nhập khác	1.766.790.429	893.768.480
	9.276.333.037	4.024.794.657

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	3.459.937.650.709	2.424.091.358.344
Chi phí nhân công và nhân viên	232.255.774.453	149.175.162.899
Chi phí khấu hao và phân bổ	127.365.426.816	53.102.418.888
Chi phí dịch vụ mua ngoài	95.847.558.398	67.176.355.963
Chi phí khác	113.627.274.962	79.867.006.479

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	50.399.875.723	35.229.077.605
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.112.240.670)	-
	49.287.635.053	35.229.077.605
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(1.500.773.873)	(7.415.692.084)
	47.786.861.180	27.813.385.521

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	296.087.223.872	126.765.383.801
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	62.178.317.013	27.888.384.436
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	1.137.076.750	-
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho cho các công ty con	(12.189.813.145)	(13.525.915)
Ảnh hưởng thuế suất áp dụng cho cho các thu nhập khác	3.819.109.706	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.413.796.746	427.709.760
Thu nhập không chịu thuế	(2.535.690.733)	(489.182.760)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.481.702.772)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(441.991.715)	-
Dự phòng thừa trong những năm trước	(1.112.240.670)	-
	47.786.861.180	27.813.385.521

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

(ii) Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Theo quy định của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn kinh tế xã hội khó khăn được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 6 tháng 8 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Theo các điều khoản của Nghị định số 118/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn được liệt kê trong phụ lục II “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” được hưởng ưu đãi thuế. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Hải Vi được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho suốt thời gian hoạt động do công ty này nằm trong địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 12 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 trở đi.

(iii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, các công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập lần lượt bằng 22% và 20% trên lợi nhuận tính thuế từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

Theo các điều khoản của Nghị định 12/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 2 năm 2015, thu nhập từ hoạt động chế biến trong đó tỷ lệ của nguyên vật liệu là nông sản trên tổng chi phí sản xuất bằng hoặc lớn hơn 30% và thành phẩm không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được tính theo thuế suất 10% trên lợi nhuận chịu thuế trong suốt thời gian hoạt động. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 trở đi.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Theo các điều khoản của của Nghị định số 118/2015/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015, các doanh nghiệp có thu nhập từ trồng trọt ở địa bàn được liệt kê trong phụ lục II “Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư” được hưởng ưu đãi thuế. Theo đó, Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa – Phan Rang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho suốt thời gian hoạt động do công ty này nằm trong địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 12 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 trở đi.

(iv) Công ty TNHH Một thành viên Đường Biên Hòa – Ninh Hòa

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% cho các hoạt động kinh doanh chính. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(v) Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa

Theo các quy định hiện hành về thuế, Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Ninh Hòa có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% lợi nhuận chịu thuế cho giai đoạn hoạt động của công ty tới năm 2028 và 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(vi) Ninh Hoa Sugar Private Limited Company

Ninh Hoa Sugar Private Limited Company có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập là 17% lợi nhuận chịu thuế. Các quy định về thuế hiện hành được giảm 75 % thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế lên đến 10.000 SGD và giảm 50 % thuế thu nhập đối với thu nhập chịu thuế lên đến 290.000 SGD.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2015, sau khi trừ các khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 103.226.838 (năm kết thúc ngày 30/6/2015: 62.994.918), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	247.928.487.392	98.951.998.280
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(36.102.261.239)	-
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	211.826.226.153	98.951.998.280

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu Năm kết thúc 30/6/2016	Năm kết thúc 30/6/2015
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	62.994.918	62.994.918
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành để mua công ty con	40.012.267	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông đã phát hành bằng tiền mặt trong năm	219.653	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	103.226.838	62.994.918

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

46. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư

	Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Phát hành cổ phiếu phổ thông của Công ty để mua một công ty con	1.025.934.360.000	-
Trích trước chi phí phát hành cổ phiếu phổ thông	67.100.000	-
Cần trừ tiền mua mía với trả trước cho nông dân trồng mía	440.020.689.882	162.681.345.520
Cần trừ tiền mua mía với lãi phải thu từ nông dân trồng mía	9.440.751.168	18.020.689.765
Thanh lý các khoản đầu tư nhưng chưa thu tiền	101.430.000.000	-
Mua xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa thanh toán	31.029.463.381	13.229.845.304
Chi phí khấu hao vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	1.354.605.347	-
Nguyên giá của tài sản cố định tăng từ thuê tài chính	7.988.532.728	-

47. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm, Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch Năm kết thúc 30/6/2016 VND	Năm kết thúc 30/6/2015 VND
Các cổ đông		
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	270.894.187.237	168.349.548.295
Mua hàng hóa và dịch vụ	54.575.162.469	6.781.116.600
Cho vay	299.900.000.000	271.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	13.052.337.993	15.829.830.351
Vay	-	40.000.000.000
Chi phí lãi vay	1.263.932.528	292.850.000
Mua cổ phiếu	3.599.036.000	6.183.836.000
Phân phối cổ tức	17.048.494.000	9.194.986.000
Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	683.433.169.102	79.048.383.436
Mua hàng hóa và dịch vụ	604.931.396.384	1.649.137.245
Phân phối cổ tức	10.465.910.000	13.630.296.000
Thu nhập lãi cho vay	976.158.336	-
Chi phí lãi vay	1.607.444.445	-
Cho vay	10.000.000.000	-
Tổng Công ty Mía Đường II – Công ty TNHH Một thành viên		
Phân phối cổ tức	-	7.734.143.000

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Năm kết thúc	Năm kết thúc
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.564.574.173	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.606.089.425	-
Thu nhập tiền lãi	1.825.055.555	-
Phân phối cổ tức	-	5.278.600.000
Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Thuận Thiên		
Mua hàng hóa và dịch vụ	72.392.350.255	13.113.339.984
Phân phối cổ tức	5.042.686.000	2.193.590.000
Mua cổ phiếu	3.599.070.000	4.891.470.000
Bán hàng hóa	85.068.000	547.619
Thu nhập lãi cho vay	3.959.877.156	-
Cho vay	76.000.000.000	-
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Thành Công		
Mua đường nguyên liệu và dịch vụ	267.489.190.193	120.363.535.485
Thu nhập lãi từ trả trước cho người bán	4.875.899.086	1.591.101.533
Bán hàng hóa và dịch vụ	19.308.217.058	13.655.673.321
Bán tài sản cố định	-	136.363.636
Cho vay	80.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	112.388.889	-
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía đường Thành Thành Công		
Bán hàng hóa	7.596.475	4.688.381
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.256.315.000	683.324.681
Bán tài sản cố định	-	324.846.363
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre		
Bán hàng hóa	3.367.171.711	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.707.236.332	22.711.470.285
Thu nhập lãi	6.202.083.338	3.525.145.449
Công ty Cổ phần Mía đường Tây Ninh		
Mua hàng hóa và dịch vụ	30.000.000	-
Bán hàng hóa	7.373.787.875	-
Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.580.575.000	1.303.169.354
Tiền lương và thưởng	9.968.712.693	6.600.743.811

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

48. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, Nhóm Công ty áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2015. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày năm trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/7/2015 VND (đã phân loại lại)	1/7/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	82.921.461.456
Phải thu về cho vay ngắn hạn	77.921.461.456	-
Phải thu ngắn hạn khác	13.791.619.557	10.799.273.958
Tài sản ngắn hạn khác	-	5.564.692.622
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.572.347.023	-
Trả trước cho người bán dài hạn	17.648.398.812	-
Phải thu dài hạn khác	-	17.648.398.812
Quỹ dự phòng tài chính	-	35.198.110.466
Quỹ đầu tư phát triển	144.497.938.660	109.299.828.194

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(tiếp theo)

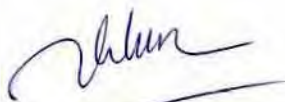
Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Năm kết thúc 30/6/2015 VND (đã phân loại lại)	Năm kết thúc 30/6/2015 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.988.769.083.174	2.988.892.945.642
Các khoản giảm trừ doanh thu	13.957.338.272	14.081.200.740
Thu nhập khác	4.024.794.657	8.280.086.941
Chi phí khác	647.370.000	4.902.662.284

Ngày 23 tháng 9 năm 2016

Người lập:



Đỗ Thị Thùy Tiên
Kế toán tổng hợp



Nguyễn Minh Tín
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Quế Trang
Tổng Giám đốc

N 2016